

Số: **1697** /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày **23** tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí, quy định thống nhất về chức năng, tính năng kỹ thuật trong xây dựng Công dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử (Phiên bản 1.0)

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1491/QĐ-BTTTT ngày 14/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tin học hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí thống nhất về chức năng, tính năng kỹ thuật trong xây dựng Công dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử (Phiên bản 1.0) để thực hiện Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Tin học hóa, Thủ trưởng các đơn vị và cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (thư điện tử);
- Đơn vị chuyên trách về CNTT của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (thư điện tử);
- **Công thông tin điện tử Bộ TTTT;**
- Lưu: VT, Cục THH. (100b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thành Hưng

**HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT
ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU GÓI TIN PHỤC VỤ KẾT NỐI CÔNG DỊCH VỤ
CÔNG QUỐC GIA VỚI CÔNG DỊCH VỤ CÔNG, HỆ THỐNG
THÔNG TIN MỘT CỬA CẤP BỘ, CẤP TỈNH VÀ CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU
QUỐC GIA, CHUYÊN NGÀNH (Phiên bản 1.0)**

*(Kèm theo Quyết định số **1697**/QĐ-BTTTT ngày **23** /10/2018
của Bộ Thông tin và Truyền thông)*



I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi áp dụng

Tài liệu này nhằm hướng dẫn kỹ thuật định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối cổng dịch vụ công quốc gia với cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.

2. Đối tượng áp dụng

Các đối tượng áp dụng bao gồm các Bộ, cơ quan ngành Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp giải pháp Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công (DVC) và Hệ thống thông tin một cửa điện tử (MCĐT) và các tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu áp dụng nếu thấy phù hợp.

Tài liệu này nhằm thực hiện Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Quyết định số 1491/QĐ-BTTTT ngày 14/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Phiên bản 1.0 bao gồm các hướng dẫn kỹ thuật cơ bản, tối thiểu về định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối cổng dịch vụ công quốc gia với cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành. Tài liệu này được Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và cập nhật phiên bản theo thời gian phù hợp với thực tế triển khai Cổng dịch vụ công quốc gia, các CSDL quốc gia, hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương.

3. Giải thích từ ngữ

Cổng DVC và Hệ thống thông tin MCĐT được hiểu theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

II. HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU GÓI TIN PHỤC VỤ KẾT NỐI CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA VỚI CÔNG DỊCH VỤ CÔNG, HỆ THỐNG THÔNG TIN MỘT CỬA CẤP BỘ, CẤP TỈNH VÀ CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA, CHUYÊN NGÀNH

1. Các gói tin phục vụ kết nối công DVC và Hệ thống thông tin MCĐT với Cổng DVC quốc gia

Hệ thống thông tin MCĐT và Cổng DVC của Bộ/tỉnh cần tuân thủ gói tin để phục vụ kết nối, tích hợp với Cổng DVC quốc gia, tuân thủ khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để đăng tải công khai tình trạng, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) và cung cấp các DVC trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia. Các gói tin bao gồm:

STT	Gói tin	Mô tả
1		Các gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Document)
1.1	Document/SyncDocument	<p>Đồng bộ hồ sơ giải quyết TTHC từ Hệ thống thông tin MCĐT/Cổng DVC của Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia.</p> <p>Gói tin này được sử dụng để gửi hoặc cập nhật thông tin hồ sơ giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia, phục vụ công dân, tổ chức tra cứu thông tin hồ sơ.</p> <p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật trạng thái xử lý hồ sơ Ký duyệt, trả kết quả, Kết thúc, Hủy, ...(theo trường dữ liệu Status trong gói tin); - Cập nhật trạng thái yêu cầu bổ sung hồ sơ (theo trường dữ liệu Supplementaries trong gói tin).
1.2	Document/UpdateDocumentTraces	<p>Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC.</p> <p>Gói tin này để cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia, phục vụ công dân, tổ chức tra cứu tiến độ xử lý hồ sơ.</p>
2		Gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công (Vote)

2.1	Vote/UpdateVote	Cập nhật số liệu thăm dò ý kiến người dùng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia
3	Gói tin đồng bộ số liệu thống kê về tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Statistic)	
3.1	Statistic/UpdateStatistic	Cập nhật số liệu thống kê của của các cơ quan, đơn vị xử lý TTHC thuộc Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia. Lưu ý: - Gói tin này chỉ hỗ trợ thống kê các mốc thời gian cố định: Hàng tháng, hàng năm; - Trường hợp nếu muốn tổng hợp số liệu theo một khoảng thời gian bất kỳ: Bộ/tỉnh phải cung cấp Giao diện lập trình ứng dụng/dịch vụ để Cổng DVC quốc gia gọi lấy thông tin khi có yêu cầu.

2. Hướng dẫn Định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối cổng DVC và Hệ thống MCDT với Cổng DVC quốc gia

2.1. Các gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Document)

Các gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính gồm:

- POST Document/SyncDocument:

Đồng bộ hồ sơ giải quyết TTHC từ các cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ của Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia phục vụ công dân, tổ chức tra cứu thông tin hồ sơ, bao gồm:

+ Cập nhật trạng thái xử lý hồ sơ Ký duyệt, trả kết quả, Kết thúc, Hủy... (theo trường dữ liệu Status trong gói tin);

+ Cập nhật trạng thái yêu cầu bổ sung hồ sơ (theo trường dữ liệu Supplementaries trong gói tin).

- POST Document/UpdateDocumentTraces:

+ Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ/tỉnh.;

+ Gói tin này được sử dụng để cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia, phục vụ công dân, tổ chức tra cứu tiến độ xử lý hồ sơ.

2.1.1. Gói tin Đồng bộ hồ sơ giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ của Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia

Gói tin Đồng bộ hồ sơ giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ của Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia gồm các thông tin cơ bản được biểu diễn theo cấu trúc, định dạng dựa trên XML, đường dẫn thực hiện việc gửi gói tin đồng bộ có thể bao gồm tham số isUpdating với 02 giá trị gồm:

- True: Cập nhật;
- False: Thêm mới (mặc định).

Các trường thông tin của gói tin được mô tả trong Bảng 1-4, thông tin chi tiết như sau:

Bảng 1-4. Các trường thông tin Document/SyncDocument

STT	Tên trường thông tin	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Yêu cầu	Ghi chú
1	DocTypeCode	Kiểu string	Mã thủ tục hành chính trong hệ thống Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Thủ tục hành chính.	Bắt buộc	
2	DocTypeName	Kiểu string	Tên loại thủ tục.	Bắt buộc	
3	DocCode	Kiểu string	Lấy hoặc thiết lập Mã hồ sơ đã được đơn vị thụ lý đồng ý tiếp nhận.	Bắt buộc	
5	CitizenName	Kiểu string	Tên Công dân, Tổ chức đăng ký hồ sơ một cửa.	Bắt buộc	
6	CitizenInfo	Kiểu string	Thông tin khác về công dân, tổ chức.	Không bắt buộc	
7	ApplicantsId	Kiểu string	Mã đối tượng nộp hồ sơ.	Bắt buộc	
8	ApplicantsType	Kiểu integer	Kiểu đối tượng nộp hồ sơ: - 1: Người dân; - 2: Doanh nghiệp; - 3: Cơ quan nhà nước;	Bắt buộc	

			- 4: Tổ chức khác.		
9	DiaChi	Kiểu string	Địa chỉ công dân, tổ chức.	Không bắt buộc	
10	Email	Kiểu string	Địa chỉ thư điện tử của công dân, tổ chức.	Không bắt buộc	
11	Phone	Kiểu string	Số điện thoại liên hệ của công dân, tổ chức.	Bắt buộc	
12	Compendium	Kiểu string	Trích yếu hồ sơ một cửa.	Không bắt buộc	
13	DateReceived	Kiểu date	Ngày tiếp nhận hồ sơ.	Bắt buộc	
14	DateAppointed	Kiểu date	Ngày hẹn trả hồ sơ.	Bắt buộc	
15	IsSuccess	Kiểu boolean	Trạng thái xử lý cuối cùng của hồ sơ. - True: Đã duyệt; - False: Không duyệt; - Null: Chưa duyệt kết quả.	Bắt buộc	
16	SuccessDate	Kiểu date	Ngày duyệt hồ sơ.	Bắt buộc	
17	ApproverName	Kiểu string	Người duyệt hồ sơ.	Không bắt buộc	
18	ApproverPosition	Kiểu string	Chức vụ của người duyệt hồ sơ.	Không bắt buộc	
19	SuccessNote	Kiểu string	Thông tin Duyệt hồ sơ Ví dụ: lý do không duyệt.	Không bắt buộc	

20	IsReturned	Kiểu boolean	Tập trạng thái đã trả kết quả hồ sơ: - True: Đã trả kết quả; - False: Chưa trả kết quả; - Null: Không trả kết quả.	Bắt buộc	
21	ReturnedDate	Kiểu date	Ngày trả kết quả hồ sơ cho công dân, tổ chức.	Bắt buộc	
22	ReturnNote	Kiểu string	Thông tin trả kết quả Ví dụ: Ông bà Nguyễn Văn A đã nhận kết quả hồ sơ (0987987894).	Không bắt buộc	
23	ReturnedType	Kiểu integer	Hình thức trả kết quả: 0 - Trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; 1 - Trả kết quả qua đường bưu điện.	Bắt buộc	
24	FinishedDate	Kiểu date	Ngày kết thúc xử lý hồ sơ.	Không bắt buộc	
25	Status	Kiểu integer	Trạng thái xử lý hồ sơ một cửa: - 0: Hồ sơ đã được tiếp nhận; - 1: Hồ sơ đang xử lý; - 2: Hồ sơ đã có kết quả.	Bắt buộc	
26	ProcessingOrgan Name	Kiểu string	Tên đơn vị thụ lý hồ sơ một cửa. Ví dụ: Sở TTTT Tỉnh BRVT.	Bắt buộc	

27	HasSupplementary	Kiểu boolean	Trạng thái hồ sơ đang có yêu cầu bổ sung hay không: - True: Có yêu cầu bổ sung; - False: Không có yêu cầu bổ sung.	Không bắt buộc	
28	RequireSupplementaryDate	Kiểu date	Lấy hoặc thiết lập ngày yêu cầu bổ sung.	Không bắt buộc	
29	Note	Kiểu string	Ghi chú thông tin khác.	Không bắt buộc	
30	Attachments	Kiểu Collection of Attachment	Lấy hoặc thiết lập Các tệp đính kèm liên quan.	Bắt buộc.	
30.1	AttachmentId	Kiểu interger	Id của tệp đính kèm trong hệ thống Cơ quan thụ lý.	Bắt buộc	
30.2	AttachmentName	Kiểu string	Tên file đính kèm.	Bắt buộc	
30.3	IsDeleted	Kiểu boolean	Giá trị chỉ ra tệp đính kèm này đã bị xóa.	Không bắt buộc	
30.4	Base64	Kiểu string	Lưu giá trị file đính kèm được mã hóa.	Bắt buộc	
30.5	IsVerified	Kiểu boolean	Các tệp (thành phần hồ sơ) đính kèm gắn liền với hồ sơ của người sử dụng đã được xác thực.	Bắt buộc	

31	DocFees	Kiểu Collection of DocFee	Lệ phí đã thu kèm theo hồ sơ một cửa.	Không bắt buộc	
31.1	FeeName	Kiểu string	Tên Lệ phí.	Bắt buộc	
31.2	Price	Kiểu decimal	Số tiền thu.	Bắt buộc	
31.2	FeeType	Kiểu integer	Loại Lệ phí thu: - 1: Lệ phí thu khi tiếp nhận hồ sơ; - 2: Lệ phí thu khi bổ sung hồ sơ; - 4: Lệ phí thu khi trả kết quả.	Bắt buộc	
32	DocPapers	Kiểu Collection of DocPaper	Giấy tờ thu kèm theo hồ sơ một cửa.	Không bắt buộc	
32.1	PaperName	Kiểu string	Tên giấy tờ.	Bắt buộc	
32.2	Amount	Kiểu interger	Số lượng.	Bắt buộc	
32.2	PaperType	Kiểu interger	Loại giấy tờ thu: - 1: Giấy tờ thu khi tiếp nhận hồ sơ; - 2: Giấy tờ thu khi bổ sung hồ sơ; - 4: Giấy tờ thu khi trả kết quả.	Bắt buộc	
33	Supplementaries	Kiểu Collection of Supplementary	Danh sách các yêu cầu bổ sung hồ sơ.	Không bắt buộc	

33.1	SupplementaryId	Kiểu Integer	Id của Yêu cầu bổ sung trong hệ thống Cơ quan thụ lý.	Bắt buộc	
33.2	SendUser	Kiểu string	Người gửi yêu cầu bổ sung.	Bắt buộc	
33.3	SendComment	Kiểu string	Nội dung yêu cầu bổ sung.	Bắt buộc	
33.4	SendDate	Kiểu datetime	Ngày gửi yêu cầu bổ sung.	Bắt buộc	
33.5	ReceivedUser	Kiểu string	Người tiếp nhận Bổ sung hồ sơ từ công dân.	Không bắt buộc	
33.6	ReceivedComment	Kiểu string	Thông tin tiếp nhận. Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A đã bổ sung đầy đủ ...	Không bắt buộc	
33.7	ReceivedDate	Kiểu datetime	Ngày tiếp nhận bổ sung hồ sơ.	Bắt buộc	
33.8	IsReceived	Kiểu boolean	Trạng thái bổ sung hồ sơ: - True: Công dân đã bổ sung đầy đủ thủ tục hồ sơ; - False: Công dân không bổ sung hồ sơ (quá hạn bổ sung); - Null: Công dân chưa tới bổ sung hồ sơ (còn hạn).	Bắt buộc	
33.9	Papers	Kiểu Collection of DocPaper	Danh sách giấy tờ bổ sung.	Không bắt buộc	Xem trường 32

33.10	Fees	Kiểu Collection of DocFee	Danh sách lệ phí bổ sung	Không bắt buộc	Xem trường 31
33.11	OldDateAppointed	Kiểu Datetime	Ngày hẹn trả trước khi bổ sung.	Bắt buộc	
33.12	NewDateAppointed	Kiểu Datetime	Ngày hẹn trả mới sau khi bổ sung hồ sơ.	Không bắt buộc	
34	OrganInchargeIdLevel1	Kiểu string	- Mã cấp 1 của cơ quan, tổ chức là đầu mối (Bộ, tỉnh...) kết nối với Công DVCQG - Đối với các Bộ, tỉnh: sử dụng mã cấp 1 theo QCVN 102:2016/BTTTT.	Bắt buộc	
35	OrganInchargeName	Kiểu string	Tên cơ quan, tổ chức là đầu mối kết nối với Công DVCQG (Bộ, tỉnh).	Bắt buộc	

2.1.2. Gói tin Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC

Gói tin Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC gồm các thông tin cơ bản được biểu diễn theo cấu trúc, định dạng dựa trên XML, chi tiết xem Bảng 1-5, một số trường thông tin chính như sau:

Bảng 1-5. Các trường thông tin Document/UpdateDocumentTraces

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Yêu cầu	Ghi chú
1	DocumentId	Kiểu string	Id của hồ sơ một cửa trong hệ thống của Đơn vị xử lý.	Bắt buộc	
2	DocCode	Kiểu string	Mã hồ sơ.	Bắt buộc	
3	UserName	Kiểu string	Người xử lý.	Bắt buộc	

4	UserPosition	Kiểu string	Chức vụ của người xử lý.	Bắt buộc	
5	DateCreated	Kiểu date	Thời điểm xử lý hồ sơ.	Bắt buộc	
6	Comment	Kiểu string	Nội dung xử lý.	Không bắt buộc	
7	Status	Kiểu integer	Trạng thái hồ sơ.	Không bắt buộc	
8	OrganizationInchargeIdLevel1	Kiểu string	- Mã cấp 1 của cơ quan, tổ chức là đầu mối (Bộ, tỉnh...) kết nối với Công DVCQG. - Đối với các Bộ, tỉnh: sử dụng mã cấp 1 theo QCVN 102:2016/BTTTT.	Bắt buộc	
9	OrganizationInchargeName	Kiểu string	Tên cơ quan, tổ chức là đầu mối kết nối với Công DVCQG (Bộ, tỉnh).	Bắt buộc	

2. Gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công (Vote)

Gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ/tỉnh lên Công DVC quốc gia gồm các thông tin cơ bản được biểu diễn theo cấu trúc, định dạng dựa trên XML, chi tiết xem Bảng 1-6, một số trường thông tin chính như sau:

Bảng 1-6. Các trường thông tin Votes

ST T	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Yêu cầu	Ghi chú
1	DateCreated	Kiểu date	Ngày tổng hợp số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công. Ví dụ: 18/7/2018.	Bắt buộc	
2	TotalVoted	Kiểu integer	Tổng số người tham gia đánh giá.	Bắt buộc	
3	PercentVeryGood	Kiểu decimal number	Phần trăm đánh giá dịch vụ là rất hài lòng.		
4	PercentGood	Kiểu decimal number	Phần trăm đánh giá dịch vụ là hài lòng.	Bắt buộc	
5	PercentBad	Kiểu decimal number	Phần trăm đánh giá dịch vụ là chưa hài lòng.	Bắt buộc	
5	Questions	Kiểu Collection of Question	Chi tiết nội dung thăm dò ý kiến.	Không bắt buộc	
5.1	DocTypeCode	Kiểu string	Mã thủ tục hành chính trong hệ thống Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Thủ tục Hành chính	Không bắt buộc	
5.2	Content	Kiểu string	Nội dung thăm dò.	Bắt buộc	

5.3	PercentVeryGood	Kiểu decimal	Phần trăm đánh giá là rất hài lòng.	Bắt buộc	
5.4	PercentGood	Kiểu decimal	Phần trăm đánh giá là hài lòng.	Bắt buộc	
5.5	PercentBad	Kiểu decimal	Phần trăm đánh giá là chưa hài lòng.	Bắt buộc	
6	OrganizationInchargeIdlevel	Kiểu string	- Mã cấp 1 của cơ quan, tổ chức là đầu mối (Bộ, tỉnh...) kết nối với Công DVCQG. - Đối với các Bộ, tỉnh: sử dụng mã cấp 1 theo QCVN 102:2016/BTTTT.	Bắt buộc	
7	OrganizationInchargeName	Kiểu string	Tên cơ quan, tổ chức là đầu mối kết nối với Công DVCQG (Bộ, tỉnh).	Bắt buộc	

3. Gói tin đồng bộ số liệu thống kê về tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ/tỉnh lên Công DVC quốc gia gồm các thông tin cơ bản được biểu diễn theo cấu trúc, định dạng dựa trên XML, chi tiết xem Bảng 1-7, một số trường thông tin chính như sau:

Bảng 1-7. Các trường thông tin Statistic

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Yêu cầu	Ghi chú
-----	------------	-------------------	-------	---------	---------

1	Month	Kiểu integer	Tháng lấy số liệu.	Bắt buộc	
2	Year	Kiểu integer	Năm lấy số liệu.	Bắt buộc	
3	IsMonthStatistic	Kiểu boolean	Giá trị xác định số liệu thống kê theo tháng hoặc năm.	Bắt buộc	
4	NewReception	Kiểu integer	Số hồ sơ nhận trong kỳ.	Bắt buộc	
5	PreExisting	Kiểu integer	Số hồ sơ tồn kỳ trước chuyển sang.	Bắt buộc	
6	Total	Kiểu integer	Tổng số hồ sơ xử lý trong kỳ.	Bắt buộc	
7	TotalSolved	Kiểu integer	Tổng số hồ sơ đã xử lý trong kỳ.	Bắt buộc	
8	SolvedInTime	Kiểu integer	Tổng số hồ sơ đã xử lý đúng hạn	Bắt buộc	
9	SolvedInTimePercent	Kiểu decimal number	Phần trăm hồ sơ đã xử lý đúng hạn.	Bắt buộc	
10	SolvedLate	Kiểu integer	Số hồ sơ đã xử lý trễ hạn.	Bắt buộc	
11	SolvedLatePercent	Kiểu decimal number	Phần trăm hồ sơ đã xử lý trễ hạn.	Bắt buộc	

12	TotalPending	Kiểu integer	Tổng số hồ sơ chưa xử lý trong kỳ.	Bắt buộc	
13	Pending	Kiểu integer	Tổng số hồ sơ chưa xử lý trong hạn.	Bắt buộc	
14	PendingLate	Kiểu integer	Phần trăm hồ sơ chưa xử lý trong hạn.	Bắt buộc	
15	PendingLatePercent	Kiểu decimal	Số hồ sơ chưa xử lý quá hạn.	Bắt buộc	
16	PendingPercent	Kiểu decimal	Phần trăm hồ sơ chưa xử lý quá hạn.	Bắt buộc	
17	Note	Kiểu string	Ghi chú.	Không bắt buộc	
18	OrganizationInchargeIdlevel1	Kiểu string	- Mã cấp 1 của cơ quan, tổ chức là đầu mối (Bộ, tỉnh...) kết nối với Cổng DVCQG - Đối với các Bộ, tỉnh: sử dụng mã cấp 1 theo QCVN 102:2016/BTTTT	Bắt buộc	
19	OrganizationInchargeName	Kiểu string	Tên cơ quan, tổ chức là đầu mối kết nối với Cổng DVCQG (Bộ, tỉnh)	Bắt buộc	